TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 16-5-2023
"V/v Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Bà Đinh Thị Hạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số 404/7 Lê Hồng Phong, khu Đồng Muối 2, phường PL, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Hà Văn M, sinh năm 1967;

Nơi đăng ký HKTT: Số 199, đường Tôn Đức Thắng, khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống đời sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ tình cảm, vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. mặc dù cả hai đã cố gắng thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hiện nay bà Th không còn tình cảm với ông M, không mong muốn tiếp tục chung sống với ông M. Do bà Th và ông M không đăng ký kết hôn nên bà Th đề nghị Tòa án không công nhận bà Th và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Bà Th khai giữa bà và ông M có với nhau 02 người con chung tên là Hà Mỹ Linh, sinh năm 1998 và Hà Gia Bảo, sinh năm 2003. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Ông M và bà Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến chung sống như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn; ông bà chung sống hạnh phúc từ năm 1997 cho đến nay và có 02 người con chung đã thành niên; trong quá trình chúng sống thì hai ông bà tạo lập một số tài sản chung và bà Th làm ăn cũng gây ra một số nợ; sau khi ông M bán tài sản riêng của ông để trả nợ cho bà Th thì ông bà tiếp tục chung sống với nhau và ông M đầu tư thuê đất mở 01 tạp hóa để hai vợ chồng làm ăn; tuy nhiên, nay bà Th làm đơn yêu cầu Tòa án không nhận vợ chồng thì ông M không đồng ý, ông M chưa muốn ly hôn bà Th.

Về con chung: Ông M thừa nhận giữa ông và bà Th có với nhau 02 con chung tên Hà Mỹ Linh, sinh năm 1998 và Hà Gia Bảo, sinh năm 2003. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M là vợ chồng.

Ghi nhận ý kiến của bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ chung trong vụ án này.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Th chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn Hà Văn M; ông M có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại khu phố 3, thị trấn VX, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án không công nhận quan hệ vơ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Theo lời khai nhận của các bên đương sự, xác nhận của ban điều hành khu phố 3, thị trấn VX và biên bản xác minh tại UBND thị trấn VX, huyện Đức Linh thì có căn cứ khẳng định bà Th và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*".

Tại điểm b, c mục 3 của Nghị quyết 25/2000/NQ-QH10 ngày 06 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội quy định:

"b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;

c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết"

Quan hệ giữa bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M là phù hợp với các quy định tại Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Th và ông M về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M.

2. Ghi nhận ý kiến của bà Phạm Thị Th và ông Hà Văn M về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ chung trong vụ án này.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0014847 ngày 23/02/2023. Bà Th đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2023), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. VX;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận